TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN C** **TỈNH TRÀ VINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bán án số: 17/2018/HSST
Ngày 09-03-2018

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN C, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Mến.

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Nguyễn Văn Hòa – Giáo viên. Công tác tại Trường Trung học phổ thông Nguyễn Đáng, huyện C;

2/ Ông Nguyễn Văn Xuôi – Công tác Phòng Nội vụ huyện C.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thanh Thoản là Thẩm tra viên Tòa án nhân dân huyện C.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C tham gia phiên tòa: Ông Huỳnh Thanh Huấn – Kiểm sát viên.

Hôm nay, ngày 09 tháng 03 năm 2018, tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện C, tọa lạc tại khóm 4, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Tiến hành xét xử sơ thẩm vụ án hình sự thụ lý số: 15/2018/HSST ngày 04 tháng 01 năm 2018 đối với các bị cáo:

- Bị cáo thứ nhất: **Đặng Quốc V** (tên gọi khác: B), sinh ngày 30/8/2000.

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: ấp Số 1, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

Nghề nghiệp: Học sinh; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Đặng Văn BT, sinh năm 1963 và bà Lê Thị H, sinh năm1968. Anh chị em ruột có 01 người, sinh năm 1996. Tiền sự và tiền án: không. Bị cáo được tại ngoại điều tra. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

- ***Bị cáo thứ hai:*** **Nguyễn Cao M**, sinh ngày 25/3/2000.

Nơi ĐKHKTT và nơi cư trú: Khóm 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trả Vinh.

Nghề nghiệp: Làm thuê; Trình độ học vấn: 12/12; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Con ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1969 và bà Hà Thị Thu L, sinh năm 1968. Anh chị em ruột có 01 người, sinh năm 2014. Tiền sự và tiền án: không. Bị cáo được tại ngoại điều tra. (Bị cáo có mặt tại phiên tòa).

Người đại diện hợp pháp cho các bị cáo:

1/ Bà Lê Thị H, sinh năm 1968 (mẹ của bị cáo V – Có mặt)

Nơi cư trú: ấp Số 1, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh

2/ Ông Nguyễn Đình T, sinh năm 1969 (cha của bị cáo M – Có mặt)

Nơi cư trú: Khóm 6, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Người bào chữa cho bị cáo Đặng Quốc V và bị cáo Nguyễn Cao M: Luật sư Nguyễn Tiến L thuộc đoàn luật sư tỉnh Trà Vinh, bào chữa chỉ định theo yêu cầu của các cơ quan tiến hành tố tụng (Có mặt)

***Người bị hại*:** Ông Lê Võ Việt Th, sinh năm 1990. (hai lần vắng mặt không lý do)

Nơi cư trú: ấp VP, xã VT, huyện VT, thành phố Cần Thơ.

***Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan*:**

1/ Ông Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1991; (Có mặt)

Nơi cư trú: Khóm 2, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh

2/ Ông Trần Hữu Tr, sinh năm 1987; (hai lần vắng mặt không lý do)

Nơi cư trú: Khóm 5, thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh

3/ Ông Võ Văn Vũ L, sinh năm 1997; (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Số 1, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh

4/ Ông Nguyễn Văn T, sinh năm 1993; (yêu cầu xét xử vắng mặt)

Nơi cư trú: ấp Số 2, xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh

Vật chứng đưa ra xét xử tại phiên tòa:

- 01 (một) áo khoác tay dài bằng vải, màu đen, loại có mũ liền trùm lên đầu;
- 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám – đen, đã qua sử dụng, số IMEI 352047073089984;
- 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone màu vàng gold, số IMEI 354409064006567, số thuê bao 0972986873;
- 01 (một) đoạn dây điện màu đỏ dài 05cm, hai đầu đoạn dây điện được bóc vỏ;
- Tiền Việt Nam: 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ 30 phút ngày 04/11/2017, Đặng Quốc V đang điều khiển xe mô tô trên Quốc lộ 53 hướng từ chợ C về cua M thì phát hiện xe mô tô biển kiểm soát 65L1-240.46, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter của Lê Võ Việt Th, sinh năm 1990, ngụ ấp VP, xã VT, huyện VT, thành phố Cần Thơ đậu trước sân quán karaoke 77, cách Quốc lộ 53 khoảng 4,1 mét, thuộc Khóm 6, thị trấn C, huyện C không có người trông coi nên V nảy sinh ý định lấy trộm xe. Do trước đó V có xem trên mạng về cách thức mở khóa xe Exciter. V điều khiển xe đến quán Mỹ Huê 1 do Trần Hữu Tr, sinh năm 1987, ngụ tại Khóm 5, thị trấn C, huyện C nơi V làm thuê. Tại đây, V gặp Nguyễn Cao M làm thuê chung với V, V rủ M đi trộm xe thì M đồng ý. M lấy xe cúp 50 của Tr điều khiển chở V đi đến quán karaoke 77. V xuống xe đi đến chỗ để xe mô tô biển kiểm soát 65L1-240.46, còn M thì điều khiển xe đi về quán của Tr. Đến khoảng 11 giờ 58 phút cùng ngày, V dùng một đoạn dây điện đã chuẩn bị trước, đấu nối vào hệ thống điện khởi động được xe. V điều khiển xe trộm được đi đến Cơ sở mua bán thịt bò TN, tọa lạc tại ấp 3, xã A, huyện C. Tại đây V tháo bỏ: kính chiếu hậu, 02 đèn xi nhanl phía sau, chắn bùn sau cùng biển số xe 65L1-240.46. Sau đó, V điều khiển xe đến gởi tại nhà của Nguyễn Văn T tọa lạc tại ấp Số 2, xã M, huyện C và đi về quán của Tr tiếp tục làm thuê. Vào khoảng 18 giờ cùng ngày, V điện thoại cho Nguyễn Thanh Th, sinh năm 1991, ngụ Khóm 2, thị trấn C, huyện C để bán xe. Đến khoảng 22 giờ, M điều khiển xe chở V đến nhà Nguyễn Văn T lấy xe và đem đến cầu Tư Thấy Bói thuộc khóm 3, thị trấn C,

huyện C bán xe cho Nguyễn Thanh Th giá 14.000.000đ. Sau khi bán xe, V cho M 3.500.000đ.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 153/KL.ĐGTS ngày 07/11/2017 của Hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C kết luận: xe mô tô biển kiểm soát 65L1-240.46, nhãn hiệu Yamaha, loại Exciter của Lê Võ Việt Th tại thời điểm bị chiếm đoạt có trị giá 45.000.000 đồng.

Trong quá trình điều tra Cơ quan điều tra đã thu hồi và trao trả cho Lê Võ Việt Th xe mô tô biển kiểm soát 65L1-240.46.

Tại bản cáo trạng số: 02/VKS-HS, ngày 04 tháng 01 năm 2018 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố các bị cáo Đặng Quốc V và bị cáo Nguyễn Cao M về tội "*Trộm cắp tài sản*" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

Tại phiên tòa hôm nay các bị cáo Đặng Quốc V và bị cáo Nguyễn Cao M hoàn toàn thống nhất với nội dung bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện C và thừa nhận hành vi phạm tội của các bị cáo như sau: Vào khoảng 11 giờ 58 phút ngày 04/11/2017, bị cáo Đặng Quốc V rủ bị cáo Nguyễn Cao M đến quán karaoke 77 tọa lạc tại Khóm 6, thị trấn C, huyện C để trộm xe, bị cáo Nguyễn Cao M đồng ý và chở bị cáo V đến địa điểm trộm. Tại đây, bị cáo Đặng Quốc V đã trực tiếp lấy trộm 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 65L1-240.46, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter của Lê Võ Việt Th, có giá trị thành tiền là 45.000.000đ.

Quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C: Sau khi phân tích các chứng cứ chứng minh hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

Vị đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 138; điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74 và Điều 60 của Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009. Đề nghị xử phạt bị cáo Đặng Quốc V từ 12 tháng đến 18 tháng tù nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 24 tháng đến 36 tháng và xử phạt bị cáo Nguyễn Cao M từ 09 tháng đến 12 tháng tù nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách từ 18 tháng đến 24 tháng về tội trộm cắp tài sản. Thời gian thử thách của hai bị cáo được tính từ ngày tuyên án sơ thẩm (ngày 09 tháng 03 năm 2018). Giao hai bị cáo Đặng Quốc V và Nguyễn Cao M cho Ủy ban nhân dân xã nơi cư trú để giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp hai bị cáo thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Ngoài ra, vị còn đề nghị xử lý vật chứng và buộc các bị cáo có nghĩa vụ nộp án phí hình sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

Quan điểm của người bào chữa cho các bị cáo Đặng Quốc V và Nguyễn Cao M: Vị hoàn toàn thống nhất với bản cáo trạng của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố các bị cáo Đặng Quốc V, Nguyễn Cao M theo khoản 01 Điều 138 của BLHS năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 về tội trộm cắp tài sản. Tuy nhiên, Vị yêu cầu Hội đồng xét xử xem xét tình tiết giảm nhẹ cho các bị cáo là: sau khi phạm tội các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện giao nộp tài sản lấy trộm và đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ giá trị tài sản cho bị hại; người bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bản thân các bị cáo nhất thời phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự và tại thời điểm phạm tội là chưa thành niên, là học sinh nhận thức còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đối

với bị cáo Đặng Quốc V gia đình có nhiều người thân có công với cách mạng, như ông nội tên Đặng Văn Ch được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, có công trong kháng chiến chống Mỹ, bà nội tên Nguyễn Thị N được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì và bà cố nội tên Châu Thị Th là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng. Vị đề nghị Hội đồng xét xử cho các bị cáo được hưởng án treo có mức thấp nhất của khung hình phạt.

Qua quan điểm của Vị đại diện Viện kiểm sát, các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho các bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa không có ý kiến tranh luận.

Lời nói sau cùng của các bị cáo Đặng Quốc V và bị cáo Nguyễn Cao M: Hai bị cáo không có ý kiến phát biểu sau cùng mặc dù được Hội đồng xét xử cho phát biểu ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

Tại phiên tòa Vị đại diện Viện kiểm sát và những người tham gia tố tụng không bổ sung tài liệu, đồ vật và không đề nghị triệu tập thêm người tham gia tố tụng. Xác định tư cách người tham gia tố tụng theo quyết định đưa vụ án ra xét xử là đúng quy định của luật Tố tụng hình sự và giới hạn xét xử của Tòa án theo Điều 298 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 được sửa đổi bổ sung năm 2017.

Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo, người đại diện hợp pháp và người bào chữa cho các bị cáo, người bị hại và người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan không có người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng, đồng thời thống nhất với các biên bản khám nghiệm hiện trường, bản kết luận của hội đồng định giá tài sản trong tố tụng hình sự huyện C. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[1]. Lời nhận tội của các bị cáo Đặng Quốc V và bị cáo Nguyễn Cao M tại phiên tòa hôm nay là phù hợp với lời khai của các bị cáo tại Cơ quan điều tra, biên bản khám nghiệm hiện trường và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án do Cơ quan điều tra Công an huyện C, tỉnh T thu thập có được.

Do vậy, Bản cáo trạng của Viện kiểm sát nhân dân huyện C quyết định truy tố các bị cáo Đặng Quốc V và Nguyễn Cao M về tội "Trộm cắp tài sản" theo khoản 1 Điều 138 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009 là phù hợp với quy định của pháp luật, không oan, không sai.

[2]. Xét hành vi phạm tội của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Bởi vì, tài sản của công dân bao gồm tư liệu sản xuất, tư liệu tiêu dùng, vật nuôi, tư trang, tiền bạc, phương tiện đi lại, ... là do quá trình lao động một nắng hai sương mới có được. Các bị cáo Đặng Quốc V và Nguyễn Cao M còn trong độ tuổi học sinh, không lo học tập mà lợi dụng sự sơ hở của người bị hại trong việc quản lý tài sản, đã lén lút thực hiện hành vi phạm tội trộm cắp tài sản. Cụ thể là các bị cáo lấy trộm

của Lê Võ Việt Th 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 65L1-240.46, nhãn hiệu Yamaha, loại xe Exciter, có giá trị thành tiền là 45.000.000đ.

Tuy là đồng phạm giản đơn như thể hiện vai trò của từng bị cáo khác nhau. Đối với bị cáo Đặng Quốc V là người khởi xướng, rủ bị cáo M đi trộm xe và là người trực tiếp thực hiện lấy trộm tài sản và đem tài sản lấy trộm bán, có tiền bị cáo V trực tiếp cho tiền bị cáo M trị giá 25% và bị cáo nhận bằng 75% giá trị tài sản lấy trộm, bị cáo V nhận tiền nhiều hơn. Còn bị cáo M tích cực giúp sức chở V đến quán karaoke 77 để lấy trộm và chở đi bán tài sản lấy trộm.

[3]. Tính chất của vụ án là ít nghiêm trọng, hành vi phạm tội của các bị cáo đã xâm phạm quyền sở hữu hợp pháp đến tài sản của công dân được pháp luật bảo vệ, mọi hành vi xâm hại sẽ bị nghiêm trị. Bản thân các bị cáo hoàn toàn nhận thức được hành vi trộm cắp tài sản của người khác là vi phạm pháp luật, nhưng xuất phát từ tư lợi, không muốn bỏ công sức lao động nên các bị cáo đã cố ý phạm tội.

Để góp phần ổn định tình hình trật tự tại địa phương và đấu tranh ngăn ngừa tội phạm. Hội đồng xét xử cần phải xử lý các bị cáo một mức án tương xứng với hành vi của các bị cáo và tính chất của vụ án nhằm giáo dục các bị cáo, răn đe, phòng ngừa chung cho toàn xã hội.

[4] Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt đối với các bị cáo, Hội đồng xét xử cũng cần xem xét:

Sau khi phạm tội các bị cáo thật thà khai báo, ăn năn hối cải; tự nguyện giao nộp tài sản lấy trộm và đã tác động gia đình khắc phục toàn bộ thiệt hại tài sản cho bị hại; người bị hại có yêu cầu xin giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo; bản thân các bị cáo nhất thời phạm tội, chưa có tiền án, tiền sự và tại thời điểm phạm tội là người chưa đủ 18 tuổi, bị cáo Đặng Quốc V được 17 năm 03 tháng 04 ngày tuổi, bị cáo Nguyễn Cao M được 17 năm 08 tháng 09 ngày tuổi, là học sinh nhận thức còn hạn chế, hoàn cảnh gia đình khó khăn. Đối với bị cáo Đặng Quốc V gia đình có nhiều người thân có công với cách mạng, như ông nội tên Đặng Văn Ch được tặng bằng khen của Thủ tướng Chính phủ, có công kháng chiến chống Mỹ, bà nội tên Nguyễn Thị N được tặng Huân chương kháng chiến hạng nhì và bà cố nội tên Châu Thị Th là Bà Mẹ Việt Nam Anh Hùng.

Đây là những căn cứ để áp dụng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46; Điều 69 và Điều 74 Bộ luật hình sự năm 1999 đã sửa đổi bổ sung năm 2009 đối với người chưa đủ 18 tuổi phạm tội. Đồng thời hai bị cáo có địa chỉ rõ ràng, tại tòa người đại diện hợp pháp cho hai bị cáo xin bảo lãnh giám sát giáo dục hai bị cáo và tiếp tục cho hai bị cáo học hành trở thành người tốt. Vì vậy Hội đồng xét xử không cần cách ly các bị cáo ra khỏi xã hội, mà giao hai bị cáo về cho Ủy ban nhân dân nơi cư trú giám sát, giáo dục.

Do đó, ý kiến đề nghị của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C, người bào chữa cho các bị cáo là phù hợp với quy định pháp luật được Hội đồng xét xử chấp nhận.

- *Về trách nhiệm bồi thường dân sự*: Người bị hại đã nhận lại tài sản bị mất trộm, không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

- *Về vật chứng:* Trong quá trình điều tra cơ quan điều tra thu giữ gồm:

01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám – đen, đã qua sử dụng, số IMEI 352047073089984 của Đặng Quốc V liên quan đến việc phạm tội, tịch thu sung vào công quỹ Nhà nước. Riêng 01 (một) đoạn dây điện màu đỏ dài

05cm, hai đầu đoạn dây điện được bóc vỏ là công cụ thực hiện hành vi phạm tội, không còn giá trị sử dụng, tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) áo khoác tay dài bằng vải, màu đen, loại có mũ liền trùm lên đầu là tài sản cá nhân của bị cáo Đặng Quốc V, không liên quan đến việc phạm tội, giao trả cho bị cáo.

01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone màu vàng gold, số IMEI 354409064006567, số thuê bao 0972986873 và tiền Việt Nam 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng) của ông Nguyễn Thanh Th không liên quan đến việc phạm tội, giao trả cho ông Th.

- *Về án phí*: Buộc các bị cáo chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Tuyên bố bị cáo Đặng Quốc V phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Áp dụng: khoản 01 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo Đặng Quốc V 01 (một) năm tù nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách là 02 (hai) năm, thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án là ngày 09 tháng 03 năm 2018.

Giao bị cáo Đặng Quốc V cho Ủy ban nhân dân xã M, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Đặng Quốc V thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Để đảm bảo bản án có hiệu lực pháp luật, tiếp tục duy trì lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 18, ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Công an huyện C áp dụng đối với bị cáo Đặng Quốc V.

2. Tuyên bố bị cáo Nguyễn Cao M phạm tội "*Trộm cắp tài sản*".

- Áp dụng: khoản 01 Điều 138, điểm b, h, p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 69, Điều 74 và Điều 60 Bộ luật hình sự năm 1999 đã được sửa đổi bổ sung năm 2009.

- Xử phạt bị cáo Nguyễn Cao M 09 (chín) tháng tù nhưng được hưởng án treo, thời gian thử thách là 01 (một) năm, 06 (sáu) tháng, thời gian thử thách được tính từ ngày tuyên án là ngày 09 tháng 03 năm 2018.

Giao bị cáo Nguyễn Cao M cho Ủy ban nhân dân thị trấn C, huyện C, tỉnh Trà Vinh giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Trường hợp bị cáo Nguyễn Cao M thay đổi nơi cư trú thì thực hiện theo qui định tại khoản 1 Điều 69 của Luật thi hành án hình sự.

Để đảm bảo bản án có hiệu lực pháp luật, tiếp tục duy trì lệnh cấm đi khỏi nơi cư trú số 19, ngày 10 tháng 11 năm 2017 của Công an huyện C áp dụng đối với bị cáo Nguyễn Cao M.

3. ***Về trách nhiệm bồi thường dân sự*:** Người bị hại đã nhận lại tài sản mất trộm, không yêu cầu bồi thường thiệt hại nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về vật chứng: Áp dụng Điều 41 BLHS năm 1999 được sửa đổi bổ sung năm 2009, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015.

Tịch thu sung vào công quỹ nhà nước 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Iphone màu xám – đen, đã qua sử dụng, số IMEI 352047073089984.

Tịch thu tiêu hủy 01 (một) đoạn dây điện màu đỏ dài 05cm, hai đầu đoạn dây điện được bóc vỏ.

Giao trả cho bị cáo Đặng Quốc V 01 (một) áo khoác tay dài bằng vải, màu đen, loại có mũ liền trùm lên đầu

Giao trả cho ông Nguyễn Thanh Th 01 (một) điện thoại di động màn hình cảm ứng, nhãn hiệu Iphone màu vàng gold, số IMEI 354409064006567, số thuê bao 0972986873 và Tiền Việt Nam: 14.000.000 đồng (Mười bốn triệu đồng).

5. *Về án phí*: Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự năm 2015 và Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội;

Buộc bị cáo Đặng Quốc V và bị cáo Nguyễn Cao M, mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho các bị cáo, người đại diện hợp pháp cho bị cáo, người bào chữa cho các bị cáo và người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan có mặt tại phiên tòa biết, có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày án sơ thẩm tuyên. Đối với người bị hại và người có quyền lợi - nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên tòa được biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

(Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 của Luật Thi hành án dân sự, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự)./.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Mến

Nơi nhận:
- *TAND tỉnh;*
- *Sở Tư pháp tỉnh;*
- *VKSND huyện, tỉnh;*
- *Chi cục THADS huyện;*
- *Công an huyện;*
- *Bị cáo;*
- *Những người tham gia tố tụng;*
- *Lưu HSVA.*